

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**
Bản án số: 71/2024/DS-PT
Ngày 13/8/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*V/v: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền
với đất là vô hiệu và giải quyết hậu quả của
hợp đồng vô hiệu.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu
Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLPT- DS ngày 07/5/2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2024/QĐXX-PT ngày 17/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐPT- DS ngày 16/7/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1972; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt); Người đại diện theo ủy quyền:** Ông **Hoàng Xuân T**, sinh năm 1974, địa chỉ: **Số B B, phường L, TP ., tỉnh Hải Dương (Có mặt)**

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trần Công H1**, sinh năm 1965; địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, huyện K,**

tỉnh Hải Dương. Người đại diện cho ông **H1**: Bà **Dương Thị N**, là nguyên đơn (Đều có mặt)

- Anh **Nguyễn Hữu H2**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương** (Vắng mặt).

* Người kháng cáo: Bà **Dương Thị N** (nguyên đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc, nguyên đơn trình bày:

Bà **N** và chị **H** có mối quan hệ quen biết, là người cùng sinh sống tại **xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương**. Ngày 01/3/2022, chị **H** gọi điện thoại nói có nhu cầu chuyển nhượng diện tích 67,5m², trên đất có nhà 4 tầng của vợ chồng chị **H** tại **khâu đô thị P, thành phố H (Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 25/01/2022)** để lấy tiền kinh doanh và nhờ bà **N** mua giúp. Chị **H** gửi tin nhắn qua Zalo cho bà **N** xem hình ảnh bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà. Ngày 04/3/2022, bà **N** và chị **H** thỏa thuận thống nhất vợ chồng chị **H** chuyển nhượng cho vợ chồng bà **N** quyền sử dụng nhà đất với giá 03 tỷ đồng, cùng ngày bà **N** đã chuyển cho chị **H** số tiền 600.000.000đồng từ tài khoản **ngân hàng N1 (A)** qua dịch vụ Banking. Đối với số tiền 2,4 tỷ đồng bà **N** và chồng là ông **Trần Công H1** vay tại **A- Chi nhánh huyện K- Phòng G**, địa chỉ **xã C, huyện K**. Cụ thể: Ông **Trần Công H1** trực tiếp ký với **A** hợp đồng tín dụng 2304-LAV-2022/00602 ngày 04/3/2022, vay số tiền 800.000.000đồng; bà **N** và ông **H1** trực tiếp ký với **A** hợp đồng tín dụng số: 2304-LAV- 2022 00603 ngày 04/3/2022, vay số tiền 1.599.000.000đồng. Trong các hợp đồng tín dụng và báo cáo đề xuất nêu trên vợ chồng bà **N** và **A** thỏa thuận số tiền vay là 2.399.000.000 đồng chuyển cho người thụ hưởng là chị **Nguyễn Thị H** vào số tài khoản 03993.725733 mở tại **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** của chị **H**. Tuy nhiên sau đó **A** không chuyển được số tiền trên vào tài khoản trên, **A** đã tự ý chuyển vào số tài khoản khác mà không có sự đồng ý của vợ chồng bà **N**. Sau khi bà **N** chuyển 600.000.000đồng thì chị **H** đưa cho bà **N** giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất nêu trên, đồng thời viết giấy biên nhận nợ cầm số tiền 03 tỷ đồng về việc chuyển nhượng nhà đất. Do chồng chị **H** là lái xe Bắc Nam không có nhà nên chị **H** hẹn bà **N** khi nào chồng chị **H** về, hai bên đến Văn phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Do chơi thân với nhau và do thiếu hiểu biết pháp luật nên việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất giữa bà **N** và chị **H** không được thể hiện bằng văn bản là hợp đồng cụ thể mà chỉ bằng lời nói, hơn nữa chị **H** đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho bà **N** giữ nên bà **N** yên tâm chuyển tiền. Đến ngày 10/3/2022, chị

H đến nhà bà N bảo bà N đưa cho chị H mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đưa từ trước để chị H đến UBND thành phố H đính chính số chứng minh thư nhân dân cũ với số thẻ căn cước của vợ chồng chị H thì mới sang tên cho vợ chồng bà N được. Do tin tưởng nên bà N đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho chị H, chỉ giữ lại bản phô tô. Từ sau ngày 10/3/2022, bà N đã nhiều lần đề nghị chị H cùng chồng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà đất đã thỏa thuận nêu trên nhưng chị H khất lần, không đồng ý chuyển nhượng và cũng không trả lại tiền cho vợ chồng bà N. Nay bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/3/2022 bằng miệng giữa bà N và chị H đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118 diện tích 67,5m² và tài sản trên đất, tại khu đô thị M thành phố H là vô hiệu và buộc chị H phải trả lại cho bà N 600.000.000 đồng mà bà N đã chuyển cho chị H vào ngày 04/3/2022.

- Tại bản tự khai và các lời khai bị đơn trình bày:

Chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, bởi lẽ: Trong thực tế không có việc giữa chị H và bà N có hợp đồng miệng chuyển nhượng nhà đất của vợ chồng chị H (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, diện tích 67,5m²) tại khu đô thị P, thành phố H như trình bày của bà N. Thực tế chỉ có việc giữa chị H và bà N ký kết hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ở khu đô thị T, thành phố H vào ngày 04/3/2022 (Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 29, phường B, TP.). Tại thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng này chị H và bà N chưa bàn giao tiền cho nhau mà chị H cùng bà N ra A- Chi nhánh huyện K II- Phòng G; địa chỉ xã C, huyện K để bà N làm thủ tục vay tiền, sau đó làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của bà N sang tài khoản của chị H số tiền 600.000.000 đồng qua B và đến khoảng 15 giờ 30 phút bà N nhờ cán bộ A chuyển cho chị H số tiền 2.399.000.000 đồng, chị H đã viết giấy biên nhận cho bà N và nhận đủ số tiền 03 tỷ đồng. Do đó, giữa chị H và bà N, ông H1 không có liên quan đến thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, diện tích 67,5m², tại khu đô thị P thành phố H.

- Tài liệu do Tòa án thu thập:

Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký kết giữa chị H và bà N, ông H1 do Văn phòng Công chứng Thành Công chứng thực ngày 04/3/2022 đối với thửa đất số 13 tờ bản đồ số 29, tại 2/49/60, N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương với giá chuyển nhượng là 3 tỷ đồng.

Biên bản làm việc ngày 14/7/2023 của Công an huyện K với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Hải Dương thể hiện thửa đất số

13, tờ bản đồ số 29, địa chỉ số B N, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương hiện mang tên Dương Danh T1 và Phạm Thị H3.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 27/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Dương Thị N và chị Nguyễn Thị H (đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, diện tích 67,5m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 4 tầng, địa chỉ thửa đất: Khu đô thị M, phường T, thành phố H) là vô hiệu. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Chị Nguyễn Thị H không phải trả cho bà N số tiền 600.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 08/4/2024, bà N có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm vì bản án không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá đầy đủ khách quan các tài liệu, chứng cứ do bà cung cấp, chưa làm rõ các mâu thuẫn giữa các tài liệu chứng cứ; trường hợp không hủy bản án thì tuyên sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuyên bố đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà N và chị H (đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, diện tích 67,5m² và tài sản gắn liền với đất, tại khu đô thị P, thành phố H) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc chị H phải trả lại bà N số tiền 600 triệu đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa đã chấp hành đầy đủ quy định về quyền nghĩa vụ quy định về việc có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự phúc theo quy định.

Bà N và người đại diện thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, không đề nghị hủy bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà N và chị H (đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, diện tích 67,5m² và tài sản gắn liền với đất, tại khu đô thị P, thành phố H) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc chị H trả lại bà N số tiền 600 triệu đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông **H1**) đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bà **N** được làm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên là kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà **Dương Thị N**:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà **N** thay đổi một phần nội dung kháng cáo, không đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chỉ đề nghị tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N**, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà **N** và chị **H** là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc chị **H** phải trả lại bà **N** số tiền 600 triệu đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà **N** hiện không đưa ra được tài liệu, giấy tờ, căn cứ để chứng minh việc giữa bà **N** và chị **H** có hợp đồng miệng về việc chuyển nhượng nhà đất phía Tây, **thành phố H** (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, tại **khu đô thị P**).

[2.2] Bà **N** không đưa ra được người làm chứng nào để chứng minh có hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên giữa bà **N** và chị **H** vào ngày 04/3/2022.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm bà **N** xuất trình ảnh chụp các tin nhắn trao đổi qua ứng dụng Zalo giữa bà **N**, chị **H**, ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, tại **khu đô thị P Tp.**), bản phô tô “Hợp đồng chuyển nhượng mua bán nhà đất” đề ngày 08/12/2021 và các ảnh chụp nội thất các phòng ở (BL:193 đến 203), bà **N** cho rằng đây là căn cứ để chứng minh việc giữa bà **N** và chị **H** có việc chuyển nhượng nhà đất (thửa đất số 91) vào ngày 04/3/2022. Tòa phúc thẩm đã giao cho bà **N** quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về các tài liệu trên, nhưng bà **N** không xuất trình được tài liệu bản gốc đối với “Hợp đồng chuyển nhượng mua bán nhà đất” đề ngày 08/12/2021; Tòa án đã lấy lời khai của chị **H** để làm rõ các tài liệu mà bà **N** xuất trình như trên, chị **H** phản đối và không công nhận có việc hai bên chuyển nhượng nhà đất (thửa số 91) vào ngày 04/3/2022, chị **H** xác định đối với

“Hợp đồng chuyển nhượng mua bán nhà đất” đề ngày 08/12/2021 thực chất là việc hai bên vay nợ có trả lãi, chị **H** vay tiền thì theo yêu cầu của bà **N** nên chị phải viết hợp đồng này như là việc thế chấp tài sản cho khoản vay 3,6 tỷ đồng vào ngày 08/12/2021, bản gốc hợp đồng viết tay này sau khi trả nợ xong cho bà **N** thì chị **H** đã quản lý và đã hủy bỏ. Đọc toàn bộ các tin nhắn hội thoại nêu trên giữa bà **N** và chị **H** thì thấy không có nội dung về việc bà **N** và chị **H** có việc trao đổi về việc chuyển nhượng nhà đất (thửa số 91) như trình bày của bà **N**.

[2.4] Tại cấp phúc thẩm, bà **N** có đơn trình bày ý kiến cho rằng giữa bà **N** và chị **H** có việc chuyển nhượng bằng miệng nhà đất tại **khv đô thị P, thành phố H** (thửa đất 191) vì thực tế bà **N** và chị **H** đã có việc chuyển nhượng xong nhà đất ở **khv đô thị T, thành phố H** (thửa đất số 13, tờ bản đồ số, diện tích 51,1m²) trước ngày 04/3/2022, bà **N** xuất trình các bản in phô tô tin nhắn về việc bà **H** chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho chị **H** vào cuối năm 2021 để mua nhà đất (thửa đất số 13, đất **khv đô thị T, TP.**), theo bà **N** hợp đồng công chứng việc chuyển nhượng nhà đất lập ngày 04/3/2022 đối với nhà đất tại **khv đô thị T** (thửa đất số 13) chỉ là hợp pháp hóa về mặt thủ tục pháp lý việc mua bán chuyển nhượng nhà đất (thửa số 13) giữa hai bên trước đó (*BL: 261 đến 273*). Đối với các tài liệu này, chị **H** có lời khai không công nhận trình bày trên của bà **N**, chị **H** xác định hai bên không có việc mua bán chuyển nhượng nhà đất tại **khv đô thị P thành phố H** (thửa số 191) mà chỉ có việc chuyển nhượng nhà đất tại **khv đô thị T, thành phố H** (thửa đất số 13) vào ngày 04/3/2022 với giá tiền là 03 tỷ đồng, hai bên đã làm hợp đồng tại phòng công chứng theo quy định, bà **N** trong ngày 04/3/2022 đã chuyển đủ trả chị **H** 03 tỷ đồng (qua 02 lần chuyển khoản tại Ngân hàng), hai bên đến nay không có tranh chấp gì về việc chuyển nhượng nhà đất này. Lời trình bày của chị **Huyền phù h** với nội dung cung cấp của đại diện **văn phòng C** về hợp đồng công chứng chuyển nhượng nhà đất (thửa đất số 13) nêu trên, phù hợp với thông tin giao dịch chuyển khoản hai lần tiền từ bà **N** đến chị **H** tại Ngân hàng vào ngày 04/3/2022. Các tin nhắn và tài liệu chuyển khoản bà **N** nộp ở trên, hiện chị **H** không thừa nhận là có việc chuyển nhượng nhà đất (thửa đất số 13, đất **khv đô thị T, TP.**) vào cuối năm 2021 và chính các tin nhắn do bà **N** nộp nêu trên lại thể hiện về việc bà **N** thúc dục chị **H** trả nợ vay cho bà **N** vào cuối năm 2021. Do vậy, không có căn cứ xác định giữa bà **N** và chị **H** có việc chuyển nhượng nhà đất (thửa đất số 13) vào cuối năm 2021 như lời trình bày của bà **N**. Tại phiên tòa phúc thẩm bà **N** xuất trình một đoạn ghi âm, HĐXX đã mở để nghe công khai tại phiên tòa, tuy nhiên không thể hiện nội dung như bà **N** trình bày là đoạn ghi âm này chứng minh có việc giữa chị **H** và bà **N** trao đổi về việc chuyển nhượng nhà đất tại **khv đô thị M thành phố H**.

[2.5] Từ những căn cứ, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Dương Thị N** về việc đề nghị Tòa

án cấp phúc thẩm tuyên bố đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà **N** và chị **H** (đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, diện tích 67,5m² và tài sản gắn liền với đất, tại khu đô thị P, thành phố H) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc chị **H** phải trả lại bà **N** số tiền 600 triệu đồng, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà **N** không được chấp nhận nên bà **N** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 06/2024/DS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 385; 398; 501; 502; 503 của Bộ luật Dân sự. Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Dương Thị N** về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà **Dương Thị N** và chị **Nguyễn Thị H** (Đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 118, diện tích 67,5m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 4 tầng, địa chỉ thửa đất: Khu đô thị M, phường T, thành phố H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 561274, số vào sổ CH 00165 cấp ngày 25/01/2022 mang tên anh **Nguyễn Hữu H2** và chị **Nguyễn Thị H**) là vô hiệu.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Dương Thị N** về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Chị **Nguyễn Thị H** không phải trả cho bà **N** số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

2.3. Về án phí: Bà **Dương Thị N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà **N** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ngày 02/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Bà **N** đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 13/8/2024)

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA DS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Anh Tuyết

